

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 22 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				14,513
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	256	9,472,000
	Được chi trong ngày				9,486,513
	Đã chi trong ngày				9,411,590
	1. Dịch vụ				281,600
1	Gas sáng		0	256	0
2	Gas trưa		1,100	256	281,600
	2. Kho				279,000
	Ăn chính				279,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	1	279,000
	3. Đi chợ				8,850,990
	Ăn chính				8,850,990
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Đậu cove	Kg	47,250	1	47,250
3	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
4	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
5	Mướp	Kg	33,600	8	268,800
6	Rau mồng tơi	Kg	57,750	2	115,500
7	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
8	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
9	Nấm rơm	Kg	189,000	1	189,000
10	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	8.5	1,695,750
11	Lươn	Kg	336,000	4	1,344,000
12	Trứng gà	Trứng	4,620	60	277,200
13	Đường kính	Kg	38,850	3	116,550
14	Bánh flan Ánh Hồng	Hộp	7,040	256	1,802,240
15	Tôm sú	Kg	378,000	4	1,512,000
16	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
17	Nấm đùi gà	Kg	94,500	0.5	47,250
18	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
19	Nước mắm Hồng Hạng	Chai	78,840	2	157,680
20	Sữa chua ăn TH có đường	Hộp	7,260	0	0
21	Dấm ăn	Lít	21,600	1	21,600
22	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
23	Miến Phú Hương	Kg	45,360	11	498,960
24	Cà rốt	Kg	36,750	2.5	91,875
25	Sữa chua dâu	Hộp	12,960	4	51,840
	Chỉ kho lũy kể từ đầu tháng				6,829,000
	Chỉ chợ lũy kể từ đầu tháng				134,138,777
	Suất ăn lũy kể từ đầu tháng			3,923	
	Tiêu chuẩn lũy kể từ đầu tháng				145,151,000
	Đã chi lũy kể từ đầu tháng				145,076,077
	Chênh lệch cuối ngày				74,923

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy